

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 293/2019/DS-PT
Ngày: 11/9/2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Mỹ;

Các Thẩm phán: - Ông Đinh Chí Tâm;

- Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hồng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2019/TLPT-DS, ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp dân sự về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2018/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 339/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị K, sinh năm 1978;

Địa chỉ: tổ 10, ấp 3, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963; địa chỉ: tổ 29, khóm Mỹ Hưng, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22/4/2019).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị K1, sinh năm 1952;

Địa chỉ: số nhà 330, tổ 10, ấp 3, xã Mn, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phạm Hoàng Đức - Công ty Luật Hợp danh Anh Em Luật sư - Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chị Bùi Thị T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: số nhà 439, tổ 10, ấp 3, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.2 Anh Bùi Văn H, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp 3, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.3 Anh Bùi Quốc K2, sinh năm 1980;

Địa chỉ: số nhà 330, tổ 10, ấp 3, xã Mỹ Tân, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Theo đơn kháng cáo của chị Bùi Thị K là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Bùi Thị K do bà Nguyễn Thị M đại diện trình bày: Nguồn gốc đất là do chị Khen nhận chuyển nhượng của ông Bùi Văn Đ vào tháng 10/2004, giá chuyển nhượng tổng cộng 50 chỉ vàng 24Kra. Giá được tính theo công đất nhà nước ($1.000m^2/01$ công) nhưng thỏa thuận giá 01 công bao nhiêu thì chị K không nhớ. Chị K đã giao một lần đủ 50 chỉ vàng 24Kra cho ông Đ, việc giao nhận không có giấy tờ vì hai bên đã lập hợp đồng chuyển nhượng. Lúc này ông Đ trực tiếp sử dụng đất nên đã giao đất cho chị K. Ngày 15/3/2005, chị K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp giấy là cho hộ chị K nhưng chị xác định quyền sử dụng đất này là tài sản riêng của chị. Bởi vì số vàng 50 chỉ vàng 24Kra là do chị K dành dụm được khi chưa kết hôn từ việc làm nghề uốn tóc và mua bán lúa. Chị K xác định năm 2005, trong hộ của chị K còn có chồng chị là Trần Thế P, sinh năm 1981 và con là Trần Thị Hồng B, sinh ngày 16/6/2005. Tại phiên tòa, chị K xác định lại năm 2005, hộ chị K gồm cha mẹ chị là ông Bùi Văn H, bà Lê Thị K1 cùng anh chị em của chị K gồm chị T, anh H, anh K2. Trong hộ không có chồng và con chị K cũng như không còn người nào khác. Chị K cũng xác định diện tích đất tranh chấp mặc dù là tài sản cá nhân của chị K nhưng Ủy ban nhân dân huyện C lại cấp cho hộ thì nay chị K cũng thống nhất đây là tài sản của hộ chị K theo hộ khẩu năm 2005. Chị K không khiếu nại về việc hợp đồng chuyển nhượng giữa chị K với ông Đ. Đồng thời, chị K cho rằng số vàng để chuyển nhượng đất có một phần đóng góp của anh P nhưng đóng góp bao nhiêu thì chị K không nhớ. Nay chị K đề nghị Hội đồng xét xử đưa anh P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Sau khi chuyển nhượng thì chị K sử dụng đất làm lúa. Trong thời gian này, chị K còn thế chấp quyền sử dụng đất để vay tiền tại Ngân hàng Công thương Việt Nam. Đối với ý kiến của người có đất giáp ranh là bà Đặng Thị T1 và chính quyền địa phương, xác định từ trước đến nay chị K không sử dụng đất này là không đúng vì việc canh tác là do chồng chị K trực tiếp làm, chị K sinh con và chăm sóc con nhỏ nên không thể canh tác được.

Đến 2009, chị K cho mẹ ruột là bà K1 mượn đất canh tác vì lúc này bà K1 thiếu nợ. Khi cho mượn đất thì không làm giấy tờ gì, bà K1 có nói khi nào trả nợ xong thì trả đất nhưng đến nay chưa trả. Khoảng 2 – 3 năm nay, chị K biết bà K1 cho vợ chồng chị T và anh Nguyễn Thanh T3 canh tác đất nhưng chị K không yêu cầu bà K1 trả lại đất, lý do chị K không yêu cầu trả đất là vì buồn

việc gia đình. Nay chị K được biết anh K3 là người đang sử dụng đất nhưng sử dụng từ thời gian nào thì chị không biết. Do đó, nay chị K yêu cầu bà K1 và anh K3 trả lại cho chị K diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế 5.571,5m², thuộc thửa số 975, tờ bản đồ địa chính số 3, đất tọa lạc tại xã Gáo Giồng, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, đất do chị K đứng tên.

- *Bị đơn bà Lê Thị K1 trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp là của vợ chồng, bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp 4, xã Gáo Giồng, huyện Cao Lãnh vào năm 2001. Chuyển nhượng diện tích khoảng hơn 04 công tằm lớn (1.300m²/công), giá chuyển nhượng 61 chỉ vàng 24Kra. Ngày 23/5/2001, vợ chồng bà đã giao đủ số vàng cho ông T4, ông T4 có làm giấy mua bán đất cho ông H (chồng bà).

Thời điểm nhận chuyển nhượng thì bà K1 biết đất là do ông Bùi Văn Đ đang đứng tên. Trước đó, ông Đ đã chuyển nhượng cho ông Lê Văn E, Ông E chuyển nhượng tiếp cho ông T4. Việc chuyển nhượng giữa ông Đ với ông E và giữa ông E với ông T4 đều không làm hợp đồng. Việc vợ chồng bà chuyển nhượng đất với ông T4 thì ông Đ có biết. Khi thực hiện thủ tục sang tên thì để thuận tiện, ông Đ đồng ý chuyển sang cho ông H.

Khi làm thủ tục chuyển nhượng, vợ chồng bà không đứng tên hợp đồng mà để con gái là chị Kn đứng tên giữ. Lý do để chị K đứng tên vì thời điểm này vợ chồng bà có nhiều đất, sợ nhà nước thu hồi đất theo diện “nhường cơm sẻ áo” như trước đây. Ngoài chị K thì trước đó vợ chồng bà còn nhờ các con T, H đứng tên quyền sử dụng đất giữ. Do đó, từ khi chuyển nhượng đến nay thì vợ chồng bà K1, nay là anh K2 sử dụng đất, không có việc bà K1 mượn đất canh tác để trả nợ như chị K trình bày. Thời gian này các con rể là Nguyễn Thanh Tn và Trần Thế P có phụ giúp làm lúa để lo chung trong gia đình chứ không có việc anh P canh tác riêng.

Nay bà không đồng ý theo yêu của chị vì đây là tài sản của vợ chồng bà, chị K là con ruột chỉ đứng tên giữ. Đồng thời yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chị K để những người có quyền lợi trên đất này được tự thỏa thuận hoặc đi đăng ký, kê khai lại cho đúng quy định pháp luật. Trường hợp Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu của chị K, buộc bà trả đất thì bà cũng không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Giấy mua bán đất) ngày 23/5/2001 giữa ông H với ông T4.

Bà K1 xác định hiện trạng đất trước đây là đất gò, bà có thuê người trang sửa đất cho bằng phẳng như hiện nay. Tuy nhiên, trường hợp Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu của chị K thì bà K1 cũng không yêu cầu chị K trả lại tiền công san lấp, tu bổ trên đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc K2 trình bày: Thống nhất với toàn bộ nội dung trình bày của bà K1. Anh K2 xác định diện tích đất tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của cha mẹ ruột anh K2 là bà K1 và ông H. Trường hợp chị K xác định đất tranh chấp là tài sản chung của hộ trong đó có

anh K2 là thành viên hộ thì anh K2 cũng không thống nhất mà xác định đây là tài sản của cha mẹ anh.

Hiện nay anh K2 đang sử dụng đất để trồng lúa nhưng toàn bộ tiền đầu tư, thu hoạch lúa đều do bà K1 quản lý. Ngoài ra thì không còn ai sử dụng đất này. Trường hợp Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu của chị K thì anh K2 đồng ý liên đới cùng với bà K1 trả lại diện tích đất tranh chấp cho chị K và không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Giấy mua bán đất) ngày 23/5/2001 giữa ông H với ông T4. Trường hợp Tòa án giải quyết không chấp nhận yêu cầu của chị K mà xác định đây là tài sản chung của cha mẹ ruột anh K2 thì anh K2 cũng không yêu cầu chia thừa kế phần di sản của ông H mà sẽ tự thỏa thuận với những người thừa kế còn lại. Nếu không thỏa thuận được thì ai có quyền sẽ tự khởi kiện thành vụ án khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn H, chị Bùi Thị T trình bày: Thống nhất với toàn bộ nội dung trình bày của bà K1. Anh H, chị T xác định diện tích đất tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của cha mẹ ruột anh chị là bà K1 và ông H. Chị K là em ruột anh chị được cha mẹ nhờ đứng tên giữ gìn diện tích đất tranh chấp. Trước đây, anh H và chị T cũng có đứng tên giữ gìn cha mẹ tại các thửa đất 859, 290 cùng tờ bản đồ số 3 tại xã G, huyện C. Trường hợp chị K xác định đất tranh chấp là tài sản chung của hộ trong đó có anh H, chị T là thành viên hộ thì anh, chị cũng không thống nhất mà xác định đây là tài sản của cha mẹ anh, chị.

Trường hợp Tòa án giải quyết không chấp nhận yêu cầu của chị K mà xác định đây là tài sản chung của cha mẹ ruột anh H, chị T thì anh H, chị T cũng không yêu cầu chia thừa kế phần di sản của cha mà sẽ tự thỏa thuận với những người thừa kế còn lại. Nếu không thỏa thuận được thì ai có quyền sẽ tự khởi kiện thành vụ án khác.

Trường hợp Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu của chị K thì cũng không liên quan gì đến quyền lợi của anh H, chị T. Đồng thời, anh H và chị T là hàng thừa kế thứ nhất của ông H cũng không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Giấy mua bán đất) ngày 23/5/2001 giữa ông H với ông T4.

Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Thị K về việc yêu cầu bà Lê Thị K1 và anh Bùi Quốc K2 trả lại cho chị K diện tích đất theo đo đạc thực tế là 5.571,5m² thuộc thửa số 975, tờ bản đồ địa chính số 3, đất tọa lạc tại xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, đất trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4 theo Bản đồ trích đo khu đất tranh chấp ngày 14/9/2018 của Trung tâm kỹ thuật và Tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Tháp, đất được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Bùi Thị K số AA 498500, số vào sổ 02974, ngày 15/3/2005.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 498500, số vào sổ 02974, cấp ngày 15/3/2005 cho hộ bà Bùi Thị

K, địa chỉ: xã Mỹ Tân, thành phố C, Đồng Tháp đối với thửa đất số 975, tờ bản đồ địa chính số 3, đất tọa lạc tại xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên theo quy định pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Bùi Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.140.800 đồng (Mười bốn triệu một trăm bốn mươi nghìn tám trăm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 6.350.000 đồng (Sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000724, ngày 15/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, chị K còn phải nộp thêm số tiền 7.790.800 đồng (Bảy triệu bảy trăm chín mươi nghìn tám trăm đồng).

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị Bùi Thị K phải chịu số tiền 5.235.014 đồng (Năm triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn không trăm mười bốn đồng). Chị K đã nộp và chi xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27 tháng 11 năm 2018 chị Bùi Thị K kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xem xét, sửa bản án sơ thẩm số: 105/2018/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C buộc bà Lê Thị K1, chị Bùi Thị T, anh Bùi Văn H, anh Bùi Quốc K2 trả cho chị 5.643m² đất, thuộc thửa 957, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo, không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, không tự thỏa thuận được với bị đơn về nội dung giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Bùi Thị K đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Bùi Thị K yêu cầu bà Lê Thị K1, anh Bùi Quốc K2 trả 5.643m² đất, thuộc thửa 957, tờ bản đồ số 03, đất tại xã Gg, huyện C, tỉnh Đồng Tháp đất hiện nay do bà K1 quản lý sử dụng, bà K1 không đồng ý vì đất bà K1 nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn T4.

[3] Xét việc chị K kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm buộc bà Lê Thị K1, anh Bùi Quốc K2 trả 5.643m² đất, thuộc thửa 957, tờ

bản đồ số 03, đất tại xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Hội đồng xét xử nhận thấy, nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Bùi Văn Đ chuyển nhượng cho ông Lê Văn E, sau đó ông E chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T4 và ông T4 chuyển nhượng lại cho ông H (chồng bà K1). Việc mua chuyển nhượng giữa ông H và ông T4, ông E, ông Đ như bà K1 trình bày, được ông Đ, ông E, ông T4 thừa nhận là đúng. Chị K trình bày là nhận chuyển nhượng từ ông Đ vào tháng 10 năm 2004, nhưng ông Đ trình bày là không có giao dịch mua bán với chị K, năm 1998 ông đã chuyển nhượng phần đất này cho ông E rồi. Như vậy chị K được ông Đ giao đất năm 2004 là không có cơ sở.

[4] Việc chị K trình bày là năm 2007 - 2008 có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp. Theo văn bản ngày 21/8/2019 của Ngân hàng xác nhận từ 16/4/2007 đến 16/4/2008 chị K có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng để vay 20.000.000 đồng, việc Ngân hàng giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ để làm niềm tin, không phải là thế chấp theo quy định. Mặt khác, đất đã cấp cho hộ nếu thế chấp đúng quy định phải có sự đồng ý, ký tên của các thành viên trong hộ, trong đó có bà K1. Tại phiên tòa phúc thẩm bà K1 trình bày là từ khi nhận chuyển nhượng đất thì để cho chị K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì trong thời gian này chị K còn sống chung với bà K1, chị K tự lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi vay tiền gia đình không ai biết, hiện nay bà vẫn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có việc mượn đất như chị K trình bày. Lời trình bày của bà K1 là có cơ sở và được những người trong gia đình như anh H, anh K2, chị T thừa nhận.

Đối với việc chị K trình bày là năm 2009 có cho bà K1 mượn đất và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không hợp lý, nếu thật sự cho mượn đất không cần phải giao luôn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà K1 quản lý, chị K cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho việc này.

[5] Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên chưa đầy đủ, chính xác. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần điều chỉnh lại cách tuyên án nhằm đảm bảo cho việc thi hành án.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết không chấp nhận kháng cáo của chị Bùi Thị K. Xét thấy, đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận như đã phân tích trên.

Từ những phân tích cho thấy bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Bùi Thị K. Điều chỉnh lại cách tuyên án cho phù hợp.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do không chấp nhận kháng cáo của chị Bùi Thị K, nên chị K phải chịu

tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Bùi Thị K.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2018/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C.
3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị K về việc yêu cầu bà Lê Thị K1 và anh Bùi Quốc K2 trả lại cho chị K diện tích đất theo đo đạc thực tế là 5.571,5m² thuộc thửa số 975, tờ bản đồ số 03, đất tại xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, đất trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4 trở về mốc M1, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Bùi Thị K ngày 15/3/2005, đất tại xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp thu hồi quyền sử dụng đất diện tích 5.571,5m² tại thửa số 975, tờ bản đồ số 03, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Bùi Thị K vào ngày 15/3/2005, để cấp lại cho hộ Lê Thị K1 theo quy định của pháp luật.

(kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/9/2018; bản đồ trích đo ngày 08/11/2018; sơ đồ mốc ngày 14/9/2018 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp).

Hộ bà Lê Thị K1 được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

- Chị Bùi Thị K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 14.140.800 đồng, được vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000724, ngày 15/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, là 6.350.000 đồng. Chị K còn phải nộp thêm 7.790.800 đồng.

- Chị Bùi Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị K đã nộp theo biên lai số 0001100 ngày 27/11/2018 là 300.000 đồng, được trừ vào tiền án phí phúc thẩm.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

Chị Bùi Thị K phải chịu 5.235.014 đồng. Chị K đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND H.Cao Lãnh;
- CCTHADS H.Cao Lãnh;
- Phòng GĐKTNV và THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (T)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Mỹ